

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẦN GIỜ  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11 /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25/8/2020

V/v Tranh chấp Ly hôn.

**NHÂN DANH  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Hồng Khanh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Cao Huy Bình
2. Bà Trần Thị Ngọc Hân

*Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thụy Bích Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ tham gia phiên tòa:*  
Ông Nguyễn Tấn Vương – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 273/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2019, về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ngọc U, sinh năm: 1982.

Thường trú: Tổ 12, ấp Đồng Tranh, xã Long Hòa, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Tổ 03, ấp Rạch Lá xã An Thới Đông, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Văn T, sinh năm: 1974.

Thường trú: Tổ 12, ấp Đồng Tranh, xã Long Hòa, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Tổ 03, ấp Rạch Lá xã An Thới Đông, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa bà U và ông T có mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn xin ly hôn đề ngày 18/11/2019 và trong quá trình giải quyết, xét xử nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc U trình bày:

- Vào năm 2005 bà và ông Huỳnh Văn T tự nguyện sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Hòa, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 40, quyển số 01/2007, ngày 09/5/2007. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc được 02 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng thường xuyên cãi vã, có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, cũng vì do ông T thường xuyên không có trách nhiệm với gia đình, không quan tâm chăm lo vợ con, bà còn nghi ngờ ông có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác; trong thời gian qua bà có nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông T vẫn không thay đổi tính cách và trong suốt thời gian dài giữa bà và ông T không có tiếng nói chung để xây dựng gia đình, mỗi người có cách sống khác nhau, sinh hoạt riêng không quan tâm lẫn nhau, chia sẻ tình cảm để xây dựng gia đình hạnh phúc là không có. Nay bà nhận ra vợ chồng bà không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không còn khả năng tiếp tục nên bà yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết cho bà được ly hôn với ông Huỳnh Văn T.

- Về con chung: Bà U trình bày giữa bà và ông T có 02 con chung tên là cháu Huỳnh Lê Ngọc Thảo – sinh ngày 10/4/2007; cháu Huỳnh Lê Huy – sinh ngày 07/8/2016. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu và không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà U trình bày không có.

\* Trong quá trình giải quyết, xét xử bị đơn ông Huỳnh Văn T trình bày: Về trình tự, thủ tục trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Huỳnh Văn T, nhưng ông Huỳnh Văn T vắng mặt tại các buổi thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên ông T có lời khai trong vụ án và có mặt tại phiên tòa. Qua lời khai, và tại phiên tòa ông T trình bày ông với bà U sống chung với nhau năm 2005, đến năm 2007 thì có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Hòa, huyện Cần Giờ. Trong thời gian đầu vợ chồng có cuộc sống hạnh phúc, sau đó giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn về tình cảm, nhưng là những chuyện nhỏ nhặt, không có mâu thuẫn gì lớn, trong suốt thời gian dài giữa hai vợ chồng không có tiếng nói chung chia sẻ lẫn nhau để xây dựng gia đình hạnh phúc, nhưng ông cho rằng hiện ông còn thương vợ, con nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà U.

- Về con chung: Ông T trình bày giữa ông và bà U có 02 con chung tên là cháu Huỳnh Lê Ngọc Thảo – sinh ngày 10/4/2007; cháu Huỳnh Lê Huy – sinh ngày 07/8/2016. Ông không đồng ý giao 02 con cho bà U nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông T trình bày không có.

\* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và

giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trư thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự, đối với bị đơn ông Huỳnh Văn T mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt đầy đủ theo sự triệu tập của Tòa án là vi phạm các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Quan điểm giải quyết vụ án: Xét yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Ngọc U là chính đáng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà U.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Nguyên đơn có đơn xin ly hôn đối với ông Huỳnh Văn T có địa chỉ cư trú tại Tổ 03, ấp Rạch Lá xã An Thới Đông, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh và quan hệ tranh chấp này là tranh chấp Ly hôn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

*[2] Về tư cách tham gia tố tụng của các đương sự:*

Căn cứ vào Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì:

Bà Lê Thị Ngọc U tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn.

Ông Huỳnh Văn T tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn.

*[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Theo nội dung đơn xin ly hôn bà Lê Thị Ngọc U trình bày bà và ông Huỳnh Văn T tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2005. Có đăng ký kết hôn vào ngày 09/5/2007 tại Ủy ban nhân dân xã Long Hòa, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận kết hôn số 40, quyển số 01/2007. Như vậy hôn nhân giữa bà U và ông Triệu được pháp luật công nhận.

+ Về yêu cầu của bà Lê Thị Ngọc U được ly hôn với ông Huỳnh Văn T: Việc mâu thuẫn của vợ chồng chủ yếu xuất phát từ năm 2017 đến nay, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn do ông T không không làm tốt vai trò, trách nhiệm của người chồng để cùng bà U chăm lo cuộc sống cho gia đình về kinh tế cũng như việc hàn gắn tình cảm vợ chồng xây dựng gia đình hạnh phúc; trong suốt thời gian dài giữa hai vợ chồng không có tiếng nói chung. Mặc dù ông T trình bày còn thương vợ con không muốn ly hôn, tuy nhiên nhận thấy trong suốt thời gian dài kể từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nhưng ông T không có ý chí hay động thái nào để mong muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng, thiếu sự chăm lo, quan

tâm hỗ trợ kinh tế cho bà U để xây dựng gia đình được ấm no, hạnh phúc; hơn nữa trong thời gian qua mỗi người có cách sống riêng không quan tâm lẫn nhau. Đồng thời, qua kết quả xác minh tại chính quyền địa phương Ủy ban nhân dân xã An Thới Đông có xác nhận là khoảng 02 năm nay gia đình bà U, ông T thường xuyên cãi vã, ông T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không lo làm kinh tế, không quan tâm chăm lo vợ con.

Từ những lập luận trên Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn giữa bà U và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, khả năng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được; vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Ngọc U là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

+ Về quan hệ con chung: Bà U, ông T trình bày trong thời gian sống chung vợ chồng có 02 con chung tên là cháu Huỳnh Lê Ngọc Thảo – sinh ngày 10/4/2007; cháu Huỳnh Lê Huy – sinh ngày 07/8/2016. Kể từ khi các cháu sinh ra bà U là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu, hiện nay bà U có thu nhập kinh tế, nghề nghiệp ổn định nhận thấy bà có trách nhiệm chăm sóc, giáo dục các cháu lớn khôn đến thời điểm hiện nay, hơn nữa cháu Thảo, cháu Huy có bản tự khai với nguyện vọng nếu sau này khi cha, mẹ các cháu ly hôn thì 02 cháu mong muốn là ở với mẹ (là bà U). Đối với ông T không có việc làm ổn định, thiếu sự quan tâm đến gia đình điều đó cho thấy nếu giao 02 cháu cho ông nuôi dưỡng thì sẽ không đảm bảo về sức khỏe, tinh thần cho các cháu, điều này sẽ làm ảnh hưởng không nhỏ đến tinh thần và thể chất của cháu. Cho nên, Hội đồng xét xử giao 02 cháu Thảo, Huy cho bà U trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là chính đáng và phù hợp.

Ông T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì quyền lợi của con chung, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà U không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự trình bày không có và không có ai yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

#### *[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:*

Bà Lê Thị Ngọc U là người nộp đơn xin ly hôn nên bà phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

#### *[5] Về kháng cáo:*

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 71, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

- Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 9 và 30 Luật Thi hành án dân sự.

### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc U được ly hôn với ông Huỳnh Văn T.

2. Về con chung: Giao 02 cháu Huỳnh Lê Ngọc Thảo – sinh ngày 10/4/2007 và Huỳnh Lê Huy – sinh ngày 07/8/2016 cho bà Lê Thị Ngọc U trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu lần lượt trưởng thành đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của bà U không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Ông T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì quyền lợi của con chung, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận bà U, ông T trình bày không có tài sản chung, nợ chung và không có đương sự nào yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung trong cùng vụ án này.

### **4. Về án phí**

Bà Lê Thị Ngọc U phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà U đã nộp theo biên lai số AG/2011/06737 ngày 26/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà U đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

### **5. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:**

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

### **6. Quyền kháng cáo:**

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận :**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giờ;
- Lưu hồ sơ vụ án, V/p.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Hồng Khanh**